

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày: 21-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thế - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ Đ1 Gia Lai.

2. Ông Lê Đình Quang - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HS ngày 15/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ ngày 28/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Dương Đ1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1995 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới T: nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (Chết) và bà Trần Thị P, sinh năm 1967; Mẹ bị cáo hiện làm nông tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Vợ: Đặng Thị H1, sinh năm 1998; Có 02 con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2020. Vợ, con bị cáo hiện đang trú tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2023 đến ngày 03/3/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/3/2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Văn H, tên gọi khác: không, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1991 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn H2, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị Hồng M, sinh năm 1964; Cha, mẹ bị cáo hiện làm nông tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Đinh Hoàng D,

sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2018; Vợ, con bị cáo trú tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2023 đến ngày 03/3/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/3/2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Chính T, tên gọi khác: không, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1996 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu L1, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1967; Cha, mẹ bị cáo hiện làm nông tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị H5 B, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2019; Vợ, con bị cáo trú tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2023 đến ngày 03/3/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/3/2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Quốc L, tên gọi khác: không, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1993 tại Gia Lai; Nơi đăng ký thường trú: Thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T3, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H5 H3, sinh năm 1965; Cha, mẹ bị cáo hiện làm nông tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Lâm Thị Thu T4, sinh năm 2000, có 01 con sinh năm 2020; Vợ, con bị cáo trú tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2023 đến ngày 03/3/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/3/2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Anh Q1, tên gọi khác: không, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1992 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T5, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1964; Cha, mẹ bị cáo hiện làm nông tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị H6, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2012; Vợ, con bị cáo trú tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/3/2009 bị Công an thị xã E xử phạt vi phạm hành chính số tiền 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 08/3/2009, đã được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2023 đến ngày 03/3/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/3/2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Minh K3, sinh năm 1992. Trú tại: thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Xuân T7, sinh năm 1978. Trú tại: thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21/02/2023 sau khi uống rượu tại nhà Nguyễn Anh Q1 thì Q1 cùng với Lâm Văn H, Trương Quốc L và Đào Minh K3 cùng trú tại thôn T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đến quán nước nhà ông Nguyễn Xuân T7 gần nhà Q1 để uống nước. Lúc này K3 rủ L, H, Q1 cùng đánh bài tiến L ghi điểm, ai thua trả tiền nước thì được L, H, Q1 đồng ý. Chơi đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày thì xong, Q1 và L là người thấp điểm nhất nên phải trả tiền nước. Tổng số tiền nước, thuốc lá và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng), trong đó L trả 60.000 đồng (Sáu mươi ngàn đồng), còn Q1 trả 40.000 đồng (bốn mươi ngàn đồng) cho ông T7. Sau khi L và Q1 tính tiền xong, K3 tiếp tục rủ Trương Quốc L, Lâm Văn H, Nguyễn Anh Q1 đánh bài cát tê thắng thua bằng tiền, thấy Nguyễn Dương Đ1 đang ngồi trong quán nước nên K3 rủ thêm Đ1 cùng đánh bạc thì được L, H, Q1 và Đ1 đồng ý. Do Đào Minh K3 chỉ mang theo số tiền 30.000 đồng (ba mươi ngàn đồng) nên K3 hỏi mượn thêm tiền của H để tham gia đánh bạc nhưng H không cho mượn, nên K3 không chơi mà ngồi ngoài cạnh Trương Quốc L để xem. Khi đánh bạc, các con bạc sử dụng tiền thắng cược sẽ được cất vào bên trong túi trên người, khi thua cược sẽ lấy tiền trong người ra để đặt cược ván tiếp theo. Trương Quốc L sử dụng bộ bài tú lơ khơ đánh bài uống nước trước đó và chia bài đầu tiên, trong quá trình chơi người thắng ván trước sẽ được cầm cái và đánh bài trước. Số tiền đặt cược của một ván là 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng), được để ra vị trí giữa bàn, trong đó có 10.000 đồng (mười ngàn đồng) tiền “cá cái” và 10.000 đồng (mười ngàn đồng) tiền “cá nước”. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, có Lê Chính T từ nhà ở cùng thôn T1 đi đến quán nước ông T7 thì thấy L, H, Q1 và Đ1 đang đánh bài cát tê thắng thua bằng tiền nên xin ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng. Các đối tượng đánh bạc đến 23 giờ 30 phút cùng ngày khi mỗi người đang đặt ván 40.000 đồng (bốn mươi ngàn đồng) thì bị L1 lượng Công an huyện Đ phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T, Trương Quốc L. Số tiền tạm giữ trên chiếu bạc là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá. Tạm giữ trên người Đ1 số tiền 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng), trên người H số tiền 2.690.000 đồng (hai triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng), trên người L số tiền 1.280.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng), trên người T số tiền 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Vật chứng thu giữ trong vụ án khi bị bắt quả tang: số tiền 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá các bị cáo sử

dụng vào mục đích đánh bạc, 01 (một) bàn nhựa màu xanh, kích thước (50x90x45)cm và 05 (năm) ghế nhựa màu xanh, kích thước (30x30x37)cm.

Cách thức đánh bạc: Sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 lá, mỗi người sẽ được chia 06 lá bài và đánh ngược chiều kim đồng hồ, lá nhỏ nhất là 2 lá lớn nhất là A (xì) người chia bài đánh trước vòng đầu tiên, người bên cạnh tay phải sẽ đánh cùng nước (cơ, rô, chuồn hoặc bích) lá bài lớn hơn, cứ thế đánh đến người cuối cùng tay trái của người phát bài, nếu ai không có lá bài lớn hơn thì ụp bài, trong ván bài nếu có người đánh con lớn nhất là A (xì) các con bạc khác sẽ ụp bài, cứ như thế đánh đến vòng thứ 4 kết thúc, còn 02 lá bài ai có mặt tham gia trong 04 vòng sẽ tham gia chung bài, người có lá bài đánh lớn nhất vòng thứ 4 sẽ chung bài trước, trong quá trình chung nếu ai có con bài cùng nước lớn hơn sẽ hót bài người chung đầu tiên và T con bài dưới cùng nước ai lớn nhất sẽ thắng và kết thúc ván bài, người thắng cuộc sẽ chia bài và đánh như cách thức trên. Khi chia bài ai có tứ quý (04 lá bài giống nhau) sẽ tới trắng, các con bạc khác sẽ chung tiền. Quá trình đánh có “cá nước” bốc một con ngẫu nhiên sau khi chia cho các con bạc, nếu ai giữ con bài cùng nước lớn nhất thì người đó thắng “cá nước”.

Số tiền các bị cáo mang theo sử dụng đánh bạc và thắng thua như sau:

Nguyễn Dương Đ1 mang theo số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc Đ1 thắng 70.000 đồng (bảy mươi ngàn đồng).

Lâm Văn H mang theo số tiền 2.580.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng), H sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc H thắng 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Lê Chính T mang theo 2.590.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng), T sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc T thắng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Trương Quốc L mang theo 1.540.000 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng), L sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc L thua 220.000 đồng (hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Nguyễn Anh Q1 mang theo 540.000 đồng (năm trăm bốn mươi ngàn đồng). Q1 sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc Q1 thua 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Lâm Văn H, Lê Chính T, Trương Quốc L và Nguyễn Anh Q1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Lâm Văn H,

Lê Chính T, Trương Quốc L và Nguyễn Anh Q1 phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q1 từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng; xử phạt các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L từ 09 tháng đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 22 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc, tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Đề nghị tuyên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L xảy ra tại địa bàn xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T, Trương Quốc L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/02/2023, tại quán cà phê của ông Nguyễn Xuân T7 thuộc thôn T1, xã T2, Đ các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Trương Quốc L có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài cát tê, đến 21 giờ 30 phút cùng ngày có Lê Chính T vào chơi cùng. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi các con bạc đang đánh bạc sát phạt nhau thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng cộng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Do đó hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ

luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào đều xâm phạm đến trật tự công cộng, trực tiếp xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các con bạc đánh bạc thắng thua bằng tiền mang tính chất bộc phát, không có sự bàn bạc trước, cũng không chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ với nhau. Các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L tham gia đánh bạc với vai trò là người thực hành, có vai trò ngang nhau nên mức hình phạt cũng tương xứng với nhau. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Anh Q1 có nhân thân xấu nên cần phải xử mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T, Trương Quốc L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước tại địa phương và nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội mà để các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại nơi cư trú, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và

phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Trong vụ án này mặc dù Đào Minh K3 là người rủ rê các con bạc đánh bạc thắng thua bằng tiền, nhưng K3 không tham gia trực tiếp việc đánh bạc, không thu lợi ích vật chất, hứa hẹn gì từ các con bạc, không cảnh giới cho các con bạc đánh bạc vì vậy K3 không đồng phạm với các bị cáo trong vụ án. Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Đào Minh K3 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Xuân T7 là chủ quán nước, quá trình điều tra xác định mặc dù ông T7 có bán bộ bài cho các đối tượng nhưng bán để các đối tượng đánh bài trả tiền nước, không biết các bị cáo đánh bạc thắng thua bằng tiền, khi các đối tượng đánh bạc thì ông T7 ở trong nhà xem ti vi rồi ngủ quên, đến khi bị Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang thì mới biết các đối tượng đánh bạc thắng thua bằng tiền, đồng thời ông T7 không cảnh giới, không nhận tiền xâu, lợi ích vật chất gì từ các con bạc nên không đồng phạm về tội đánh bạc với các bị cáo hoặc tội tổ chức đánh bạc.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự có quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng không có T chất chuyên nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) bàn nhựa màu xanh, kích thước (50x90x45)cm và 05 (năm) ghế nhựa màu xanh, kích thước (30x30x37)cm là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T7, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý trả lại cho ông T7 là đúng quy định của pháp luật. Đối với số tiền 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá là công cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q1 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 (hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21/7/2023;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Dương Đ1 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21/7/2023;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn H 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21/7/2023;

Xử phạt bị cáo Lê Chính T 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21/7/2023;

Xử phạt bị cáo Trương Quốc L 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21/7/2023.

Giao các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.750.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

(Đặc điểm các vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Dương Đ1, Nguyễn Anh Q1, Lâm Văn H, Lê Chính T và Trương Quốc L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/7/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Công an huyện Đ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ (01 bản);
- UBND xã T2;
- Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (07 bản);
- Lưu hồ sơ THAHS- TA ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Yến Ngọc